

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM THÀNH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 30/01/2018

V/v : “*Kiến xin ly hôn và giải
quyết việc nuôi con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH - TỈNH HẢI DƯƠNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Minh;

2. Bà Nguyễn Thị Quy.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Triệu Thị Loan, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành tham gia phiên
tòa:*** Bà Bùi Thị Nhuận, Kiểm sát viên – Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

Ngày 30/01/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 208/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2017 về việc kiện xin ly hôn và giải quyết việc nuôi con chung, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2017/QĐXX-ST ngày 29/12/2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 02 ngày 18/01/2018 giữa:

Nguyên đơn: Chị Ngô Thị T, sinh năm 1989.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn D, xã P, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Quê quán, trú quán: Thôn C, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng.

Bị đơn: Anh Vũ Văn T, sinh năm 1976.

Quê quán, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và trú quán: Thôn D, xã P, huyện K, tỉnh Hải Dương.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai chị Ngô Thị T trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Chị Ngô Thị T kết hôn với anh Vũ Văn T từ năm 2009 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện K, tỉnh Hải Dương. Do tìm hiểu không kỹ nên ngay sau khi kết hôn, vợ chồng không hợp tính tình, thường xảy ra nhiều xung đột, cãi cọ nhau. Mỗi khi có chuyện dù to, nhỏ trong gia đình, anh T lại chửi mắng và đuổi chị ra khỏi nhà. Vợ chồng đã sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ tình cảm và kinh tế từ tháng

9/2017 đến nay. Mấy tháng gần đây vợ chồng sống ly thân, anh T chỉ một hai lần đến nhà mẹ đẻ chị chơi với các con một lúc lại về, không nói gì với chị.

Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh T, chị không còn tình cảm với anh T, không thể chung sống vợ chồng với anh T dù chỉ một lúc.

Về con chung: Vợ chồng chị T, anh T có hai con chung là Vũ Hạnh Q, sinh ngày 14/3/2010 và Vũ Minh Q1, sinh ngày 11/3/2011. Hiện nay cả hai cháu Q và Q1 đang ở cùng chị T.

Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con chung và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị T buôn bán tự do, ổn định, thu nhập khoảng 7.000.000đồng - 8.000.000đồng/tháng, chị còn có sổ tiết kiệm 50.000.000đồng và bố mẹ đẻ chị cho mẹ con chị ở nhờ lâu dài.

Về tài sản chung: Không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vợ chồng chị không vay nợ gì của ai và cũng không cho ai vay nợ gì.

Bản tự khai, biên bản lấy lời khai, anh Vũ Văn T trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Anh và chị Ngô Thị T kết hôn từ năm 2009 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện K, tỉnh Hải Dương. Do tìm hiểu không kỹ nên ngay sau khi kết hôn, vợ chồng không hợp tính tình, thường xảy ra xung đột, cãi cọ nhau. Vợ chồng đã sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ tình cảm và kinh tế từ tháng 9/2017 đến nay.

Nay chị T có đơn xin ly hôn, anh không muốn ly hôn, anh đề nghị Tòa án hòa giải để chị T về đoàn tụ nuôi dạy con cái cùng anh.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Vũ Hạnh Q, sinh ngày 14/3/2010 và Vũ Minh Q1, sinh ngày 11/3/2011. Hiện nay cả hai cháu Q và Q1 đang ở cùng chị T. Do anh không đồng ý ly hôn nên anh chưa có ý kiến gì về việc nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, chị T vẫn xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị vẫn giữ quan điểm xin được ly hôn anh T; chị T xác định vợ chồng có hai con chung là Vũ Hạnh Q, sinh ngày 14/3/2010 và Vũ Minh Q1, sinh ngày 11/3/2011, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con chung và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung; chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản. Anh T vắng mặt và không có ý kiến gì. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thụ lý đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, thời hạn giải quyết, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà Hội đồng xét xử đã tuân theo Pháp luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn thực hiện không đầy đủ về quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án: Về quan hệ vợ chồng: Áp dụng Điều 39 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Xử cho chị T được ly hôn anh T.

Về con chung: Áp dụng Điều 58, khoản 1, 2 Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Giao cả hai cháu Vũ Hạnh Q và Vũ Minh Q1 cho chị T được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị T và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ của vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương có đủ cơ sở xác định:

1/ *Về quan hệ vợ chồng*: Chị Ngô Thị T và anh Vũ Văn T kết hôn với nhau dựa trên cơ sở tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện K, tỉnh Hải Dương là hôn nhân hợp pháp. Do tìm hiểu không kỹ nên ngay sau khi kết hôn, vợ chồng không hợp tính tình, thường xảy ra nhiều xung đột, cãi cọ nhau. Vợ chồng đã sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ tình cảm và kinh tế từ tháng 9/2017 đến nay. Trong suốt thời gian sống ly thân, anh T chỉ đến thăm con mà không có ý kiến động viên chị T đoàn tụ, chứng tỏ anh không còn tình cảm hay lưu luyến gì đối với chị T. Nay chị T xin được ly hôn anh T, Hội đồng xét xử nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh T thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được; bản thân anh T cũng thừa nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, anh T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do đó áp dụng Điều 39 Bộ luật dân sự; Điều 51, Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử cho chị T được ly hôn anh T là phù hợp.

2/ *Về con chung*: Vợ chồng chị T và anh T có hai con chung là Vũ Hạnh Q, sinh ngày 14/3/2010 và Vũ Minh Q1, sinh ngày 11/3/2011. Hiện nay cả hai cháu Q và Q1 đang ở cùng chị T. Chị T xin được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cả hai con chung và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung; quá trình giải quyết vụ án, anh T không đồng ý ly hôn nên chưa có ý kiến gì về việc nuôi con chung. Xét việc chị T có công việc và thu nhập ổn định, các cháu

Q, Q1 vẫn đang sinh sống ổn định cùng chị T; anh T không có ý kiến gì về việc nuôi con, do vậy giao cả hai cháu Q và Q1 cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện thực tế của cả anh T và chị T cũng như bảo đảm việc chăm sóc và thực hiện đầy đủ được quyền lợi mọi mặt của hai cháu Q và Q1, phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

3/ *Về tài sản chung*: Chị T không yêu cầu giải quyết; quá trình giải quyết vụ án anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, tại phiên tòa anh vắng mặt nên nên không giải quyết về tài sản chung.

Sau này các đương sự có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung và tài sản chung thì Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác theo quy định của Pháp luật.

4/ *Về án phí*: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, chị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ vào: Điều 39 Bộ luật dân sự. Điều 51; Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Điều b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

2/ Về quan hệ vợ chồng:

Xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Ngô Thị T xin được ly hôn anh Vũ Văn T. Xử cho chị Ngô Thị T được ly hôn anh Vũ Văn T.

3/ Về con chung: Chị T và anh T có hai con chung là Vũ Hạnh Q, sinh ngày 14/3/2010 và Vũ Minh Q1, sinh ngày 11/3/2011. Giao cả hai cháu Q và Q1 cho chị T được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

4/ Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh T vắng mặt tại phiên tòa và không có ý kiến gì.

Sau này các đương sự có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung và tài sản chung thì Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác theo quy định của Pháp luật.

5/ Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành theo biên lai số AA/2016/0000589 ngày 21/9/2017.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị T, vắng mặt anh T. Báo cho chị T biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày T án. Đối với anh T, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhân:

- VKSND huyện Kim Thành;
- Chi cục THADS huyện Kim Thành;
- UBND xã P, huyện Kim Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Trung